Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 6903.20.00

Mã HS	6903.20.00
Mô tả hàng hóa	Các loại hàng gốm, sứ chịu lửa khác (ví dụ, bình cổ cong, nồi nấu kim loại, lò muffle, nút, phích cắm, giá đỡ, chén thử vàng bạc, các loại ống, ống dẫn, bao vỏ, tay cầm và cửa trượt), trừ các sản phẩm làm bằng bột silic hóa thạch hoặc đất silic tương tự / - Có hàm lượng trên 50% tính theo khối lượng là oxit nhôm (Al2O3) hoặc hỗn hợp hoặc hợp chất của oxit nhôm và của đioxit silic (SiO2)
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 09:22:01
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/69032000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10311
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10311
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10311
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9799
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9750
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9750
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9750
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9750
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9750
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9750
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9802
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9802
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9802
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9802

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9802
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9802
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9803
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9803
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9803
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9803
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9803
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9803
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9804
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9756
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9762
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9762
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9762
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9762
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9762
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9762
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9787
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9787
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9787
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9787
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9787
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9787
VCFTA	2022	2022	0	VC!D9834
VCFTA	2023	2023	0	VC!E9834
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9834
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9834

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9834
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9834
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9813
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9813
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9813
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9813
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9813
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9813
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D9825
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E9825
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F9825
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G9825
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H9825
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9825
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D9836
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E9836
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F9836
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9836
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9836
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9836
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D9835
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E9835
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F9835
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9835
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9835
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9835

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9782
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9782
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9782
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9782
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9782
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9782
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9782
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9819
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9819
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9819
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9819
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9819
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9819
RCEP B	2022	2022	0	B!D9819
RCEP B	2023	2023	0	B!E9819
RCEP B	2024	2024	0	B!F9819
RCEP B	2025	2025	0	B!G9819
RCEP B	2026	2026	0	B!H9819
RCEP B	2027	2027	0	B!I9819
RCEP C	2022	2022	0	C!D9819
RCEP C	2023	2023	0	C!E9819
RCEP C	2024	2024	0	C!F9819
RCEP C	2025	2025	0	C!G9819
RCEP C	2026	2026	0	C!H9819
RCEP C	2027	2027	0	C!I9819
RCEP D	2022	2022	0	D!D9818

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E9818
RCEP D	2024	2024	0	D!F9818
RCEP D	2025	2025	0	D!G9818
RCEP D	2026	2026	0	D!H9818
RCEP D	2027	2027	0	D!I9818
RCEP E	2022	2022	0	E!D9822
RCEP E	2023	2023	0	E!E9822
RCEP E	2024	2024	0	E!F9822
RCEP E	2025	2025	0	E!G9822
RCEP E	2026	2026	0	E!H9822
RCEP E	2027	2027	0	E!I9822
RCEP F	2022	2022	0	F!D9819
RCEP F	2023	2023	0	F!E9819
RCEP F	2024	2024	0	F!F9819
RCEP F	2025	2025	0	F!G9819
RCEP F	2026	2026	0	F!H9819
RCEP F	2027	2027	0	F!I9819
VIFTA	2024	2024	4,5	VI!F9082
VIFTA	2025	2025	4	VI!G9082
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H9082
VIFTA	2027	2027	3	VI!I9082

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6903.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 6903.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10311), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.